

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST/VHNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 2001; nơi cư trú: **thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**.

Anh **Đặng Văn Q**, sinh năm 1997; nơi cư trú: **tổ dân phố Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét thấy tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 23/4/2025 các bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2020 tại **Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống nên đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2022 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện tại, các bên đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể trở về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, tại phiên hòa giải ngày 12/5/2025 các bên vẫn giữ nguyên ý kiến tại đơn yêu cầu thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh chị đều khai nhận quá trình chung sống có 01 con chung tên là **Đặng Anh Q1**, sinh ngày 20/11/2020. Sau khi ly hôn, anh chị thống

nhất giao anh **Đặng Văn Q** trực tiếp nuôi dưỡng con **Đặng Anh Q1**; chị **Nguyễn Thị Phương T** có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh **Q** mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), kể từ tháng 5/2025 cho đến khi con **Đặng Anh Q1** tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Các bên thỏa thuận chị **Nguyễn Thị Phương T** nộp toàn bộ 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình.

[5] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc; các thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị **Nguyễn Thị Phương T** và anh **Đặng Văn Q** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao anh **Đặng Văn Q** trực tiếp nuôi dưỡng con **Đặng Anh Q1**, sinh ngày 20/11/2020; chị **Nguyễn Thị Phương T** có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh **Q** mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), kể từ tháng 5/2025 cho đến khi con **Đặng Anh Q1** tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Chị **Nguyễn Thị Phương T** thỏa thuận chịu trách nhiệm nộp toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm việc Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí chị **T** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002867 ngày 24 tháng 4 năm 2025. Chị **T** đã nộp đủ lệ phí vụ việc.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- UBND TT. Nông trường Việt Trung  
(GCNKH, số 24 ngày 31/3/2020)
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Lan Phương**